TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DSST
Ngày: 12-10-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Võ Thanh Liêm

- ***Thư ký phiên tòa***: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Ngọc Thùy D, sinh năm 1969 (có mặt)

HKTT: 106A đường H, phường Q, Tp. Q, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: Thôn L, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Ngọc Thùy D trình bày*: Năm 2019 bà Lê Thị H vay của bà số tiền 20.000.000đ, sau đó bà H có tham gia chơi 01 chân hụi do bà làm chủ, bà H hốt tiền hụi để trả số tiền vay 20.000.000đ, dây hụi này bà H đã trả chỉ còn nợ số tiền 4.000.000đ.

Đến ngày 04.02.2020 âm lịch bà H đến nhà bà vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để về sửa nhà, thời hạn vay 04 tháng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 6%/tháng. Khi vay tiền bà H trực tiếp viết ký giấy vay tiền, bà H đã trả tiền lãi được 2 tháng là 3.600.000đ, sau khi chồng bà H chết thì bà H không trả tiền lãi và từ đó đến nay cũng không trả tiền vay gốc, bà nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả mà còn hăm dọa. Nay bà yêu cầu bà H trả tiền vay gốc còn nợ 30.000.000đ, tại phiên tòa bà đồng ý tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật trừ vào hai tháng tiền lãi bà đã nhận là 3.600.000đ, số tiền còn lại trừ vào tiền gốc, tiền gốc còn lại bà yêu cầu bà H trả và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 04.5.2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; đối với số tiền hụi còn nợ 4.000.000đ thì bà không yêu cầu giải quyết.

* *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị H trình bày*: Lúc còn sống chồng bà (Lê Ngọc N) làm thợ hồ, thường xuyên chơi cờ bạc và vay tiền của bà D để chơi cờ bạc; năm 2019 chồng bà vay tiền của bà D để chơi cờ bạc nhưng bà không biết là bao nhiêu tiền, chồng bà thường xuyên ra vô nhà bà D để trả tiền lãi. Tháng 3 năm 2020 ông N chết thì bà D đến nhà nói chồng bà vay tiền của bà D số tiền 30.000.000đ nên buộc bà phải trả tiền lãi hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đ. Khi chồng bà vay tiền có viết giấy nợ hay không bà không biết nhưng sau khi ông N chết thì bà D đến buộc bà viết giấy vay tiền sang tên bà, lúc đó con gái đang sinh con, bà D đến nhà quậy, vì sợ con gái bị sản hậu nên bà buộc phải viết giấy nợ cho bà D. Bà không biết lãi suất là bao nhiêu, bà D nói tiền lãi một tháng là 3.000.000đ, bà cũng chấp nhận trả tiền lãi hàng tháng là 3.000.000đ, có 01 tháng trả tiền lãi 4.800.000đ, trả tiền lãi từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020, bà D nhận tiền lãi không có viết giấy tờ. Giấy vay tiền do bà D cung cấp chính là chữ viết chữ ký của bà, bà chưa trả tiền vay gốc cho bà D. Tại phiên tòa bà xác định vẫn còn nợ bà D số tiền vay gốc là 30.000.000đ, bà đồng ý trả nợ cho bà D mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ; riêng tiền lãi thì bà đã trả cho bà D rất nhiều lần với mức lãi suất cao nên không đồng ý trả tiền lãi.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 463, 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Ngọc Thùy D đối với bị đơn bà Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho bà Hoàng Ngọc Thùy D số tiền vay gốc còn lại sau khi trừ tiền gốc

vào 02 tháng tiền lãi đã nhận 3.600.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận của bà D và bà H cho bà H trả dần mỗi tháng 3.000.000đ từ ngày 12/11/2021 cho đến khi hết nợ.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định số tiền vay gốc: Bà Hoàng Ngọc Thùy D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H trả tiền vay gốc còn nợ là 30.000.000đ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà D cung cấp chứng cứ là 01 giấy vay tiền viết ngày 04.02.2020. Bà H thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 04.02.2020 là do bà viết ký và xác định số tiền vay gốc là 30.000.000đ đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xác định số tiền vay gốc còn nợ: Tại phiên tòa, bà D xác định đã nhận 02 tháng tiền lãi do bà H trả là 3.600.000đ và thống nhất tính lại tiền lãi theo quy định của bộ luật dân sự trừ vào 02 tháng tiền lãi đã nhận, số tiền còn lại sẽ trừ vào tiền gốc. Tuy nhiên bà D xác định lãi suất cho vay là 6%/tháng còn bà H khai mức lãi suất là 3.000.000đ/tháng, mặc dù mức lãi suất hai bên khai khác nhau nhưng đều cao so với quy định của Bộ luật dân sự. Do hai bên không thống nhất về mức lãi suất vay nên căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất được xác định là 10%/năm (tức 0,83%/tháng). Do đó, tiền lãi của 2 tháng được tính theo quy định của pháp luật là 498.000đ [(30.000.000đ x 0,83%/tháng) x 2 tháng] bà D đã nhận tiền lãi 3.600.000đ nên số tiền lãi vượt 3.102.000đ (3.600.000đ - 498.000đ) được trừ vào tiền vay gốc 30.000.000đ nên bà H còn nợ lại tiền vay gốc là 26.898.000đ (30.000.000đ – 3.102.000đ).

[3] Về yêu cầu tính lãi: Bà D yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 04.5.2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, yêu cầu của bà D là chính đáng nên chấp nhận. Trong quá trình làm việc thì bà H xác định đã trả tiền lãi cho bà D kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến tháng 12 năm 2020 nhưng tại phiên tòa bà H lại khai đã trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2020, trong khi bà D thừa nhận chỉ nhận 02 tháng tiền lãi của bà H và bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả tiền lãi đến tháng 10 năm 2020 nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó tiền lãi được tính từ ngày 04.5.2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12.10.2021 là 557 ngày theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau: [(26.898.000đ x 10%/năm x 557 ngày): 365 ngày] = 4.104.700đ

[4] Như vậy bà Lê Thị H có trách nhiệm trả bà Hoàng Ngọc Thùy D số tiền

vay gốc 26.898.000đ và tiền lãi 4.104.700đ, tổng cộng là 31.002.700đ (ba mươi mốt triệu, không trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm đồng).

[5] Tại phiên tòa, bà D và bà H cùng thống nhất thỏa thuận cho bà H trả dần số tiền 31.002.700đ từ tháng 11/2021 đến tháng 7/2022 mỗi tháng 3.000.000đ, tháng 8/2021 trả số tiền 4.002.700đ, trong trường hợp bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ tháng nào thì bà D có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ khoản nợ còn lại. Xét sự thỏa thuận của bà D và bà H là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

[6] Bà Lê Thị H khai đã nhiều lần trả tiền lãi cho bà D nên không đồng ý trả tiền lãi nhưng không được bà D đồng ý và không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lê Thị H phải chịu án phí là 1.550.000đ [cách tính: 31.002.700đ x 5%]. Bà Hoàng Ngọc Thùy D không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 750.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004880 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 185, Điều 186, Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, Khoản 2 Điều 468, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngọc Thùy D.

2. Xác định bà Lê Thị H còn nợ bà Hoàng Ngọc Thùy D số tiền vay gốc 26.898.000đ và tiền lãi 4.104.700đ, tổng cộng là 31.002.700đ (ba mươi mốt triệu, không trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm đồng).

3. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Ngọc Thùy D số tiền 31.002.700đ (ba mươi mốt triệu, không trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm đồng) trong thời hạn như sau:

3.1 Từ ngày 12/11/2021 đến ngày 12/7/2022 bà H có trách nhiệm trả bà D mỗi tháng số tiền 3.000.000đ.

3.2 Ngày 12/8/2022 bà H có trách nhiệm trả bà D số tiền 4.002.700đ.

Nếu trong trường hợp bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ tháng nào thì bà Hoàng Ngọc Thùy D có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền còn lại.

4. Bác yêu cầu của bà Lê Thị H không đồng ý trả tiền lãi, vì không có căn cứ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Bà Lê Thị H phải chịu án phí là 1.550.000đ (một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

5.2 Hoàn trả bà Hoàng Ngọc Thùy D tiền tạm ứng án phí là 750.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004880 ngày 05/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

7. Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

7.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ